



中華科技大學

China University of Science and Technology

115 學年度移工在職進修專班申請入學簡章

**Application Guide of In-service Program for Foreign
Workers Academic Year 2026**

**Hướng dẫn Đăng ký Chương trình Tại chức cho Người lao
động Nước ngoài Năm học 2026**

地址：臺北市南港區研究院路三段245號
(Address)：No.245, Academia Rd. Sec. 3, Nangang Dist.,
Taipei City 115311, Taiwan (R.O.C.)

承辦單位：教務處進修部教務組
(Unit)：Academic Affairs Continuing Education Office

連絡電話(Tel)：+886-2-2782-1862 ext. 163 or 231

傳真電話(Fax)：+886-2-2782-2872

學校網址(Website)： <http://www.cust.edu.tw/www/index.html>

目錄

一、重要日程表(Những ngày quan trọng)	2
二、入學時間、修業年限與畢業應修學分(Ghi danh).....	2
三、系所招生資訊(Chương trình và Hạn ngạch).....	3
四、申請資格 (Trình độ ứng dụng)	3
五、錄取 (Nhận vào)	5
附錄1 申請入學文件檢查表 (Danh Sách Thông Tin Đăng Kí)	6
附錄2 中華科技大學移工在職進修專班報名表(Mẫu đăng ký)	7
附錄3 中華科技大學移工在職進修專班國外學歷採認切結書(Tò khai).....	9
附錄4 中華科技大學移工在職進修專班授權查證學歷同意書(Thư ủy quyền).....	10
附錄5 中華科技大學移工在職進修專班申訴書(Đơn kháng cáo).....	11
附錄6 移工在職進修專班報名信封封面(Phong bì đựng đơn đăng ký).....	12
附錄7 中華科技大學交通位置圖(địa điểm).....	13

一、重要日程表(Important Dates / Những ngày quan trọng)

項目 Event Sự kiện	日期 Dates Ngày
最後繳交紙本資料時間 Deadline of Submit required documents in papers Hạn cuối nộp hồ sơ đăng kí	8月14日前 Before August 14 Trước ngày 14 tháng 8
審核或甄試 Review of applications or entrance exams Xét hồ sơ hoặc thi tuyển	即日起至8月17日 From Today to August 17 Từ hôm nay đến ngày 17 tháng 8
公告錄取名單 Admission results announcement Thông báo kết quả danh sách trúng tuyển	8月26日 August 26 Ngày 26 tháng 8
寄發入學許可 Mailing of Admission letter Gửi thư nhập học	8月26日 August 26 Ngày 26 tháng 8
報到 Registration Sự đăng ký	8月31日 August 31 Ngày 31 tháng 8

二、入學時間、修業年限與畢業應修學分(Enrollment Date, Study Period and Required Credits for Graduation/Ngày nhập học, Thời gian học và Tín chỉ cần thiết để tốt nghiệp)

(一) 入學時間(Enrollment Date / Ngày đăng ký)

2026年9月7日 ; September 7, 2026 / Ngày 7 tháng 9 năm 2026

(二) 修業年限(Maximum Years of Study / Số năm học tối đa)

四技學士班以4年為原則，修業期滿成績及格者，授予學士學位。

Four-year Bachelor's Programs: 4 to 7 years

Chương trình đào tạo cử nhân : 4 đến 7 năm

(三) 畢業應修學分:

學士班畢業應修學分為128學分

A bachelor's degree requires 128 credits to complete.

Tổng số tín chỉ bắt buộc để tốt nghiệp : 128

三、系所招生資訊(Programs and Quota / Chương trình và Hạn ngạch)

本校經教育部核定通過招生之班別與名額如下表【臺教技(一)字第1150058188號】。The approved program and quota approved by the Ministry of Education 【Taiwan Ministry of Education Technology (I) No. 1150058188】 are as follows: Chương trình đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh được Bộ Giáo dục phê duyệt (Bộ Giáo dục Đài Loan – Công văn số 1150058188) như sau:

學制 Program Chương trình	學系 Department Khoa/Ngành học	核定招生名額 Quota Chỉ tiêu
四年制學士班 Four-year Bachelor's Degree Program Chương trình cử nhân hệ 4 năm	航空機械系 Department of Aviation Mechanical Engineering Khoa Cơ khí Hàng không	36

- ※ 上列移工在職進修專班之招生人數如未達15人，得經本校招生委員會同意後取消該學系之開班計畫，並於網站公告取消開班計畫。
- ※ If the number of students enrolled of each program is less than 15, the school may cancel the program of the department with the approval of the Admissions Committee, and announce the cancellation of the program on the website.
- ※ Nếu số lượng sinh viên đăng ký của mỗi chương trình không đạt 15 người, nhà trường có thể hủy kế hoạch mở lớp của ngành đào tạo đó sau khi được Hội đồng Tuyển sinh của Nhà trường chấp thuận, đồng thời sẽ thông báo việc hủy kế hoạch mở lớp trên website.

四、申請資格 (Application Qualifications / Trình độ ứng dụng)

(一) 申請人身份(Applicant status/ Tình trạng ứng viên)

從事製造業、營造業、農業及養護機構基層工作且具備高級中等學校(以下簡稱高中)以上學歷之在台工作移工，且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者。

Foreign workers who are engaged in grassroots work in manufacturing, construction, agriculture and maintenance institutions and have a senior high school (hereinafter referred to as high school) degree or above, who have never held the nationality of

the Republic of China, and are not eligible for overseas students at the time of application.

Người lao động nước ngoài đang làm việc tại Đài Loan thực hiện các công việc cơ bản trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, nông nghiệp và các cơ sở chăm sóc, có trình độ học vấn từ trung học phổ thông (sau đây gọi tắt là THPT) trở lên; đồng thời chưa từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc và tại thời điểm đăng ký không thuộc diện sinh viên kiều bào.

(二) 學歷 (Education / Giáo dục)

1. 申請本專班者須具國外高中畢業學歷。

Applicants who apply for this program must have a foreign senior high school diploma.

Đối tượng đăng ký chương trình đào tạo này phải có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông tại nước ngoài.

2. 具備教育部「入學大學同等學力標準」與我國學制相當之同等學力資格者。

Those who possess equivalent academic qualifications to those required by the Ministry of Education's "Equivalent Academic Qualification Standards for University Admission" and are equivalent to those required by the national education system.

Người đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ học lực tương đương theo “Tiêu chuẩn trình độ học lực tương đương để nhập học đại học” của Bộ Giáo dục và có trình độ học lực tương đương với hệ thống giáo dục Đài Loan.

3. 申請人畢業學校須為我國教育部認可或當地國政府權責機關或專業評鑑團體認可，符合教育部「大學辦理國外學歷採認辦法」(<https://goo.gl/29yeFG>)規定之學校或我國政府立案之學校，否則恕不受理申請。

Those institutions from which applicants graduated must be accredited schools approved by the Ministry of Education of the R.O.C. as well as in accordance with the “Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Foreign Academic Credentials for Institutions of Higher Education” <https://goo.gl/IEQcd9> Otherwise, the application will not be accepted.

Trường tốt nghiệp của người đăng ký phải là trường được Bộ Giáo dục Đài Loan công nhận, hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của quốc gia sở tại/tổ chức đánh giá chuyên môn công nhận, phù hợp với quy định tại “Quy định về việc công nhận văn bằng nước ngoài của các trường đại học” của Bộ Giáo dục

(<https://goo.gl/29yeFG>), hoặc là trường được Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc cấp phép thành lập. Hồ sơ không đáp ứng điều kiện trên sẽ không được tiếp nhận.

五、錄取 (Admission)

- (一) 本校移工在職進修專班由教務處受理，由招生學系針對申請資格合格者進行複審，並由招生委員會審查通過錄取名單。

The application process for the in-service training program for migrant workers at our school is handled by the Academic Affairs Office. The relevant departments will review the applications of qualified applicants, and the admissions committee will review and approve the admission list.

Hồ sơ đăng ký Tại chức cho Người lao động Nước ngoài của Nhà trường do Phòng Giáo vụ tiếp nhận. Các ngành tuyển sinh tiến hành xét duyệt lần hai đối với thí sinh đủ điều kiện đăng ký; danh sách trúng tuyển được Hội đồng Tuyển sinh xem xét và phê duyệt.

- (二) 若發生招生紛爭可向本校教務處反應申訴，經過本校招生委員會討論議決處理。

In case of any disputes regarding admissions, you may appeal to the Academic Affairs Office of this university, which will then discuss and resolve the matter through the university's Admissions Committee.

Trường hợp phát sinh vấn đề tranh chấp trong quá trình tuyển sinh, ứng viên có thể gửi đơn phản ánh, khiếu nại đến Phòng Giáo vụ của Nhà trường. Hội đồng Tuyển sinh của Nhà trường sẽ tiến hành thảo luận, quyết định và xử lý.

- (三) 錄取新生須繳驗下列正式文件，始得註冊入學 (Required Official Documents for Enrollment / Tài liệu chính thức cần thiết để ghi danh)

1. 護照正本或居留證件或台灣工作許可證正本 (Passport or PARC/WP ; Hộ chiếu hoặc PARC/WP)
2. 高中畢業證書 (或同等學力證明文件) 正本 (Senior high school diploma or equivalent academic certificates / Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc chứng chỉ học thuật tương đương.).
3. 最近 3 個月內之健康檢查合格證明 (Certificate of passing a health check within the last 3 months / Giấy chứng nhận khám sức khỏe trong vòng 3 tháng gần đây)

申請入學文件檢查表

Application Documents Checklist / Danh Sách Thông Tin Đăng Kí

申請人中文姓名 Applicant's Chinese name Họ và tên tiếng Trung của người nộp đơn		申請人英文姓名 Applicant's English name Họ và tên tiếng Anh người nộp đơn	
在臺聯絡電話 Telephone contact in Taiwan Số điện thoại liên lạc tại Đài Loan		電子郵件 E-mail Thư điện tử (Email)	

※應繳交資料紀錄表：(申請人務必就已繳交之資料，在下面表格之繳交註記欄內打) Please check the items that you have submitted 【繳交資料項目內容說明請參閱簡章說明】

申請資料檢核表 Application Document Checklist Hãy kiểm tra những mục mà bạn đã cung cấp

項次 Item	繳交表件 Submit forms	份數 Copy	請勾選 Please check
一	移工在職進修專班入學報名表 Application Form of In-service Program for Foreign Workers Đơn đăng ký Chương trình Tại chức cho Người lao động Nước ngoài	1	
二	國外學歷採認切結書與授權查閱學歷證件同意書 Declaration and Authorization of Foreign Academic Credentials. Khai báo và ủy quyền chứng chỉ học tập nước ngoài	1	
三	學歷證明：中文或英文最高學歷證明影本 Educational Certificate : One photocopy of high school diploma in Chinese or English Giấy chứng nhận học lực: Bản sao giấy chứng nhận trình độ học vấn THPT bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh	1	
四	成績單：中文或英文最高學歷成績單證明影本 Transcripts : One photocopy of high school transcripts in Chinese or English. Học bạ/ Bảng điểm: một bản sao học bạ / bảng điểm bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh	1	
五	身分證明影本 A copy of your identification card Một bản sao chứng minh thư nhân dân	1	
六	護照或國籍證明影本 A copy of your passport or other proof of nationality Một bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh quốc tịch của bạn	1	
七	其他有利文件 (如：語文證明、中文或英文自傳、證照、獎狀...等) Other advantageous documents. (For example: Language ability certificates, autobiography in Chinese or English, certificates of examinations, award setc.) Các tài liệu có lợi khác (Ví dụ : Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ, tự truyện bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh, chứng chỉ các kì thi, giải thưởng,...)	1	

中華科技大學移工在職進修專班報名表

Application form for the in-service training program for migrant workers at
China University of Science and Technology
Mẫu đăng ký Chương trình Tại chức dành cho Người lao động Nước ngoài,
Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Hoa

報名序號 Số báo danh	(考生免填) (Thí sinh được miễn điền)	報名學系 Báo danh khoa ngành		護照號碼 Số hộ chiếu	
中文姓名 Họ tên tiếng Trung		生日 Ngày sinh		國籍 Quốc tịch	
外國姓名 Họ tên tiếng Việt		居留證字號 Số thẻ cư trú		任職公司 Công ty	
在臺工作效期 Thời gian làm việc tại Đài Loan	自 日 月 年 到 日 月 年 Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm				
通訊電話 Điện thoại	日間SDT ban ngày	手機SDT	通訊地址 Địa chỉ liên lạc		
聯絡人 Người báo hộ	姓名 Họ tên	關係 Quan hệ	手機 SDT		
學歷(力) 資格 Học vấn	☐ 畢業: 西元 年 月 Tốt nghiệp: Năm Tháng		☐ 肄業: 年 月修畢 年級第 學期課程 Chưa tốt nghiệp: năm tháng lớp học kỳ		
	學校名稱 Trường học: _				
	科別 Ngành: _				
居留證正面影印本實貼處 ARC bản sao mặt trước			居留證反面影印本實貼處 ARC bản sao mặt sau		
※本人已詳閱簡章有關個人資料保護相關事項，並且對於本表各項資料及黏貼證件已詳實核對無誤，如有偽造或不實之處，願受取消錄取資格之處分。 Tôi đã đọc kỹ các điều khoản liên quan đến tính bảo mật của thông tin cá nhân và đã xác minh tất cả thông tin trong biểu mẫu này cùng các tài liệu đính kèm.			考生簽名欄 Thí sinh ký tên		

工作證正、反面影印本浮貼處 Bản sao thẻ đi làm mặt trước và mặt sau

學歷(力)證件影印本浮貼處 Bản sao bằng cấp đính kèm

成績證明浮貼處 Bản sao học bạ đính kèm

中華科技大學移工在職進修專班國外學歷採認切結書

Declaration of In-service Program for Foreign Workers, China University of Science and Technology

Giấy cam kết về việc công nhận trình độ học vấn nước ngoài của Chương trình Tại chức cho Lao động Nước ngoài - Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Hoa

考生姓名： 身分證字號/居留證： 報名證號：

Họ tên thí sinh: CMND/ARC: Số báo danh:

申請人參加中華科技大學115學年度移工在職進修專班招生報名，因故未提交註冊學歷證明。請允許提前報名，本人承諾2026年底前提交。如文件未按時提交，或所提供的學歷證明經學校確認不符合教育部規定，同意接受取消和錄取資格。

The applicant applied for the 2026 academic year's on-the-job training program for migrant workers at the China University of Science and Technology, but failed to submit proof of registered academic qualifications due to unforeseen circumstances. Please allow early application; the applicant promises to submit the required documents by the end of 2026. If the documents are not submitted on time, or if the provided academic qualifications are confirmed by the university to be inconsistent with the Ministry of Education's regulations, the applicant agrees to accept the cancellation of their admission.

Các ứng viên tham gia đăng ký ghi danh của Chương trình Tại chức cho Lao động Nước ngoài Năm học 2026, vì một lý do nào đó, không nộp được giấy tờ chứng minh trình độ học vấn khi đăng ký. Kính đề nghị Nhà trường cho phép ứng viên được đăng ký trước và ứng viên phải cam kết sẽ bổ sung đầy đủ giấy tờ trước ngày 31/12/2026. Trường hợp không nộp giấy tờ đúng thời hạn hoặc giấy tờ chứng minh trình độ học vấn do ứng viên cung cấp không đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục sau khi được Nhà trường kiểm tra, ứng viên đồng ý để Nhà trường hủy bỏ tư cách trúng tuyển.

此致 Kính gửi
中華科技大學 Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Hoa
考生國外學歷資料Thông tin về trình độ học vấn nước ngoài của ứng viên:

地區國別 Quốc gia	☐ 越南 ☐ 印尼 ☐ 菲律賓 ☐ 泰國 ☐ 其他外國地區_____
地點 (省/州別) Địa điểm (Châu lục)	Vietnam Indonesia Filipina Thailand Negara Luar Negeri Lainny
學校名稱 Tên trường học	
就讀期間 Thời gian học	(西元年) _____ 月 _____ 年 至 _____ 月 _____ 年 Từ tháng _____ tháng _____ năm _____ đến _____ tháng _____ năm _____ 合計 _____ 年 _____ 個月 Tổng cộng _____ năm _____ tháng

日 Ngày 月 Tháng 年 Năm

中華科技大學移工在職進修專班授權查證學歷同意書

Authorization and Verification Form for the In-Service Continuing Education Program for Migrant Workers at China University of Science and Technology.

Giấy ủy quyền cho Chương trình Tại chức cho Lao động Nước ngoài - Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Hoa

我授權中華科技大學使用我所提供的資料做為申請入學、教務與學務之用

I authorize China University of Science and Technology to use the information I have provided for admission applications, academic affairs, and student affairs purposes.

Tôi ủy quyền cho Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Hoa sử dụng các thông tin do tôi cung cấp để phục vụ công tác đăng ký nhập học, quản lý đào tạo và công tác sinh viên.

我授權中華科技大學查驗我所提供的所有入學資料

I authorize China University of Science and Technology to verify all the admission documents I provided.

Tôi ủy quyền cho Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Hoa thực hiện việc xác minh thông tin và tài liệu mà tôi đã cung cấp.

中華科技大學取得您的個人資料將用於您的入學申請與相關教務、學務工作之用。

The personal information obtained by China University of Science and Technology will be used for your admission application and related academic and student affairs.

Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Hoa sử dụng thông tin cá nhân của quý vị được cung cấp cho mục đích đăng ký nhập học và các công tác đào tạo, công tác sinh viên có liên quan.

申請人所填各項資料，依據中華民國「個人資料保護法」等相關法令規定為必要之資訊應用處理相關事宜。

All information provided by the applicant is required for information processing in accordance with the "Personal Data Protection Act" and other relevant laws and regulations of the Republic of China.

Tất cả các thông tin của người đăng ký theo “Luật bảo vệ thông tin cá nhân” và các luật pháp liên quan khác của Đài Loan chỉ được sử dụng thông tin trong việc xử lý các vấn đề liên quan.

此致 敬啟

中華科技大學

China University of Science and Technology / Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Hoa

考生本人簽名 Thí sinh ký tên :

居留證字號 CMND/ARC :

出生年月日 Ngày sinh :

聯絡電話 Điện thoại: (行動 di động)

(住家 nhà)

日
Ngày

月
Tháng

年
Năm

中華科技大學移工在職進修專班申訴書

Appeal letter from the In-service Training Program for Foreign Workers at
China University of Science and Technology

Đơn khiếu nại Chương trình Tại chức cho Lao động Nước ngoài

姓名 Full Name (in Print) Tên đầy đủ	中文姓名 Chinese name Tên tiếng Trung		
	英文姓名 English name Tên tiếng Anh		
學系 Department Chuyên ngành		護照號碼 Passport No. Số hộ chiếu	
電話/行動電話 TEL/Cellphone Điện thoại		電子郵件 E-mail	
地址 Address Địa chỉ			
申訴事由 Reason for appeal Lý do khiếu nại			
建議事項 Suggestions Nội dung kiến nghị			
申請人簽名 Signature Ký tên			
日期 Date Ngày	日 Ngày	月 Tháng	年 Năm

移工在職進修專班報名信封封面
Application form envelope cover / Phong bì đơn đã

【移工在職進修專班學生入學申請文件】
Application File of In-service Program for Foreign Workers
Hồ sơ đăng ký chương trình tại chức cho lao động nước ngoài

申請人姓名 Applicant's Name / Tên người nộp đơn :

通訊地址 Mailing address/ Địa chỉ gửi thư :

連絡電話 Phone number / Số liên lạc :

申請系別:

航空機械系

Department of

Khoa Cơ khí H

TO : 115311 臺北市南港區研究院路三段245號
No.245, Academia Rd. Sec. 3, Nangang Dist., Taipei C
中華科技大學 教務處進修部教務科
Academic Affairs Continuing Education Office, China Unive
Văn phòng Giáo vụ -Trường Đại học Khoa học và C

中華科技大學交通位置圖

Location Map of China University of Science and Technology

Bản đồ vị trí của Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Hoa



交通路線 (Traffic routes / Các tuyến đường giao thông)

- 一、聯營公車：205、270、306、620、藍25以上公車均可直達本校門口。
Affiliated buses: 205, 270, 306, 620, Blue25 or more buses can reach the school gate.
Xe buýt liên kết: Xe buýt 205, 270, 306, 620, Blue25 trở lên có thể đến cổng trường
- 二、捷運板南線「昆陽站」、文湖線「南港展覽館站」下車後，轉搭上述班車僅需十分鐘即可到達。
When the MRT Bannan Line gets off at Kunyang Station or Wenhua Line at Taipei Nangang Exhibition Center Station, the shuttle bus takes only ten minutes to arrive.
Khi Tuyến tàu điện ngầm Bannan xuống tại Ga Kunyang hoặc Tuyến Wenhua tại Ga Trung tâm Thương mại Đài Bắc Nam Dương, xe buýt đưa đón chỉ mất mười phút để đến nơi
- 三、搭乘台鐵及高鐵系統在南港車站下車，轉搭上述班車僅需十分鐘即可到達。
Get off at Nangang station by rail and high-speed rail system.the shuttle bus takes only ten minutes to arrive.
Xuống tại ga Nangang bằng hệ thống đường sắt và đường sắt cao tốc. Xe đưa đón chỉ mất mười phút để đến nơi.

